TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2017
"V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Ông Nguyễn Lê Biên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký TAND tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thùy H, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu: Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Xóm 7, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Mai Chí T , sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà sơ thẩm: Chị H, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Phạm Thùy H trình bày:

Chị và anh Mai Chí T tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau đó, vợ chồng ở cùng với bố mẹ anh T tại Đội 7, xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Chị và anh T có một con chung là Mai Phạm Bảo N , sinh ngày 26/9/2013, khi con chung chưa được 1 tuổi, anh T tự ý đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan.

Trong thời gian anh T ở nước ngoài, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và nhắn tin về yêu cầu chị ly hôn với anh T. Khi cháu N được gần 2 tuổi, chị gửi con cho bà Mai Thị X là mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chị đi làm ở Hà Nội. Sau đó, đi làm tại tỉnh Bắc Ninh, khoảng 2 tháng chị về thăm cháu N một lần có mua sữa dây và đưa cho bà X 500.000đ, có lần chị muốn đưa cháu sang Thái Bình chơi nhưng bà X không cho, mà gọi anh em đến đuổi đánh và yêu cầu chị viết đơn ly hôn với anh T. Từ khi anh T về Việt Nam sinh sống, chị và anh T không liên lạc với nhau, nay chị và anh T không còn tình cảm với nhau, khác biệt nhau về quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Mai Phạm Bảo N, sinh ngày 26/9/2013. Nay chị và anh T ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Mai Chí T trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị H ở với bố mẹ anh tại Đội 7, xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Đến năm 2014 do kinh tế gia đình khó khăn, anh đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, chị H cũng nhất trí. Thời gian một năm ở Đài Loan, vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, anh có gửi tiền về cho chị H nuôi con. Đến tháng 10/2015 chị H xin phép mẹ anh đi làm trên Hà Nội, nhưng không biết chị H làm gì ở đâu. Đến khoảng tháng 2 năm 2016 anh và chị H phát sinh mâu thuẫn, chị H nghi ngờ anh quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Anh về Việt Nam từ ngày 10/5/2017 đến nay, anh và chị H không liên lạc với nhau, chị H cũng không về thăm cháu N. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị H xin ly hôn, anh cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Mai Phạm Bảo N, sinh ngày 26/9/2013, hiện đang ở với anh. Khi anh đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan thì bà X là mẹ đẻ anh nuôi dưỡng cháu N, từ khi chị H đi làm trên Hà Nội, bà X nói chị H có về thăm cháu N bao nhiêu lần anh không biết chính xác. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 11/CV-UBND ngày 06/7/2017 của UBND xã X huyện X, tỉnh Nam Định cung cấp: Trong quá trình chung sống anh T chị H có xảy ra mâu thuẫn, năm 2014 anh T đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, chị H trực tiếp nuôi cháu N đến năm 2015, chị H đi làm ăn tại Hà Nội, bà X là bà nội trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Trong thời gian đi làm xa, chị H có mấy lần về thăm con và mang sữa và tiền đưa cho bà X tổng 3 lần khoảng 1.500.000đ để nuôi con. Hiện nay, cháu N đang ở với bà X và anh T. Bố mẹ anh T là ông Mai Trọng P và bà Mai Thị X có 2 con, chị Mai Thị K là chị gái anh T đã xây dựng gia đình riêng ở xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Hiện nay, bà X ở cùng với anh T. Về quan hệ tình cảm giữa anh T và chị H đề nghị giải quyết theo pháp luật, về con chung đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H giữ nguyên đơn khởi kiện. Anh T giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên.

Kiểm sát viên-Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, chị H anh T tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã X là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, anh chị đều thuận tình ly hôn, đề nghị HĐXX công nhận thuận tìnhly hôn giữa chị H và anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Mai Phạm Bảo N, sinh ngày 26/9/2013 hiện đang ở với anh T trên thổ đất của bà Mai Thị X là mẹ đẻ anh T, anh T có việc làm, thu nhập ổn định đề nghị giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên chị H không phải đóng góp nuôi con chung. Về án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Phạm Thùy H và anh Mai Chí T trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Hai bên đều xác nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì anh T đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Do vợ chồng xa nhau đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm sứt mẻ, rạn vỡ, không thể hàn gắn được và đều thuận tình ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được và cả hai bên đều có nguyện vọng được

thuận tình ly hôn, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Mai Phạm Bảo N, sinh ngày 26/9/2013. Khi chị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì anh T đang ở nước ngoài, nay anh T đã về Việt Nam sinh sống trên thổ đất của bố mẹ anh T là bà Mai Thị X và ông Mai Trọng P (là thương binh đã chết) anh T có một chị ruột đã đi xây dựng gia đình riêng có chỗ ở ổn định. Hiện nay, anh T đang làm phiên dịch cho phân xưởng E với mức lương trên 7.000.000đ/tháng tại Công ty giày da A; địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Khi anh Thọ ở nước ngoài chị H chỉ nuôi dưỡng cháu N khoảng một năm, thì giao cháu N cho bà X nuôi dưỡng để đi làm ở Hà Nội, Bắc Ninh, nhưng chị H không thường xuyên về thăm cháu N. Hiện nay, chị H làm việc tại Bắc Ninh có thu nhập ổn định nhưng phải thuê nhà trọ, từ khi anh T về Việt Nam chị H không về thăm con chung. HĐXX xét thấy hiện cháu N đang ở với anh T trên thổ đất của bà X, anh T có nghề nghiệp thu nhập ổn định và đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, HĐXX giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu N. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về công nợ và tài sản chung của vợ chồng: Không có.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thùy H và anh Mai Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Phạm Bảo N, sinh ngày 26/9/2013 cho anh Mai Chí T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thùy H tự nguyện nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000007 ngày 23/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. ChịH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phạm Thùy H và anh Mai Chí T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục thi hành án DS tỉnh Nam Định;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Thu